

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẮT, TP HÀ NỘI

Bản án số: 71/2019/HSST

Ngày: 24/9/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Văn Chiến

2- Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hưng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên tòa:

Ông Phùng Văn Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2019/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/HSST-QĐ ngày 17/9/2019, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn S, sinh năm 1979, nơi ĐKKHKT: Thôn 1, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị T; vợ: Bùi Thị Th; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không có; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2019, được cho tại ngoại ngày 22/7/2019. Có mặt.

2. Nguyễn Trung H, sinh năm 1986, nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hải Đ (Đã chết) và bà Cao Thị Y; vợ: Đinh Thị Ng; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án, Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2018/HSST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất phạt bị cáo H 18 tháng tù nhưng

cho hưởng án treo, thử thách 36 tháng, phạt bổ sung 10.000.000đ và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm về tội Đánh bạc. Bản án này chưa được xóa án tích (Thuộc trường hợp tái phạm).

Nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 694/2011/HSPT ngày 07/7/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội phạt bị cáo H 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng. Đã được xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 17/6/2019; bị tạm giam từ ngày 26/6/2019. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số I Công an Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984; ĐKHKT: Thôn 1, xã T, huyện T, Thành phố TP Hà Nội; nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T và bà Kiều Thị S; vợ: Tạ Thị H; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền sự: Không; tiền án: Có một tiền án, Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2011/HSST ngày 29/4/2011 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất phạt bị cáo Q 10.000.000 đồng về tội Đánh bạc, nhưng đến nay bị cáo Q chưa nộp tiền phạt nên chưa được xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 17/6/2019, được cho tại ngoại ngày 10/7/2019. Có mặt.

4. Nguyễn Văn D, sinh năm 1989, nơi ĐKHKT: Thôn 2, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn D1 và bà Đỗ Thị Th; vợ: Đỗ Thị H; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2014; tiền sự: Không có; tiền án: Có 01 tiền án, Bản án số 107/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất phạt Nguyễn Văn D 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 05 năm, phạt 15.000.000đ và 200.000đ án phí hình sự về tội Đánh bạc. Bản án này chưa được xóa án tích (Thuộc trường hợp tái phạm).

Nhân thân: Bản án hình sự số 03/2011/HSST ngày 07/01/2011 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (Đã được xóa án tích).

Bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 17/6/2019, được cho tại ngoại ngày 23/8/2019. Có mặt.

5. Nguyễn An Ch, sinh năm 1973; nơi ĐKHKT: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn

giáo: Không; con ông Nguyễn An L và bà Trần Thị V; vợ: Bùi Thị V; con: Có 01 con sinh năm 2002; tiền sự: Không; tiền án: Bị cáo có 05 tiền án:

Bản án hình sự số 38 ngày 17/6/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương phạt bị cáo Ch 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cố ý hủy hoại tài sản Xã hội chủ nghĩa.

Bản án hình sự sơ thẩm số 05/STHS ngày 27/02/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên phạt bị cáo Ch 04 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân và 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân. Bị cáo Ch phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 năm tù.

Bản án hình sự sơ thẩm số 04/STHS ngày 14/11/2003 của Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên phạt bị cáo Ch 01 năm 03 tháng tù về tội Đánh bạc.

Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2007/STHS ngày 08/6/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên phạt bị cáo Ch 03 năm 04 tháng tù về tội Đánh bạc, phạt bổ sung 3.000.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2011/HSST ngày 15/04/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên phạt bị cáo Ch 03 năm tù về tội Đánh bạc, phạt bổ sung 4.000.000 đồng.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2019, được cho tại ngoại ngày 23/8/2019. Có mặt.

6. Kiều Quốc Ph, sinh năm 1986; nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Kiều Cao C và bà Đinh Thị H; vợ: Phan Thị D; con: Có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có. Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2010/HSST ngày 21/7/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình phạt bị cáo Ph 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. Đã được xóa án tích. Bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 17/6/2019, được cho tại ngoại 11/7/2019. Có mặt.

7. Nguyễn Văn P, sinh năm 1986; ĐKKHKT: Thôn 2, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Kh và bà Đinh Thị S; vợ: Kiều Thị H; con: Có 02 con, nhỏ sinh năm 2010, lớn sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/6/2019, được cho tại ngoại ngày 19/6/2019. Có mặt.

8. Cấn Văn Q1, sinh năm 1991; ĐKKHKT: Thôn V, xã B, huyện T, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện T, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động

tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Cấn Văn T và bà Nguyễn Thị L; vợ: Nguyễn Thị Minh Th; con: Có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 17/6/2019, được cho tại ngoại ngày 23/8/2019. Có mặt.

9. Ngô Văn C, sinh năm 1992; ĐKHKTT: Thôn C, xã , huyện T, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Mường; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Ngô Văn Ph và bà Bùi Thị Y; vợ: Bùi Thị Như Q; con: Có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/6/2019, được cho tại ngoại ngày 19/6/2019. Có mặt.

10. Bùi Văn C1, sinh năm 1988; ĐKHKTT: Thôn L, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Mường; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị D; vợ: Ngô Thị L; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 17/6/2019, được cho tại ngoại ngày 10/7/2019. Có mặt.

11. Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1990; ĐKHKTT: Thôn C, xã B, huyện T, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện T, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Ngọc H và bà Bùi Thị Ch; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/6/2019, được cho tại ngoại ngày 19/6/2019. Có mặt.

12. Bùi Thị N, sinh năm 1987; ĐKHKTT: Thôn C, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Mường; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Bùi Văn Th và bà Bùi Thị T; chồng: Bùi Văn H; con: Có 03, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Chưa có; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/6/2019, được cho tại ngoại ngày 22/6/2019. Có mặt.

13. Quách Đình V, sinh năm 1988; ĐKHKTT: Thôn B, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Mường; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Quách Đình T và bà Đình Thị A; vợ: Bùi Thị L; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 17/6/2019, được cho tại ngoại ngày 10/7/2019. Quách

Đình V là Đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng số 85-QĐ/UBKTHU ngày 13/9/2019 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy T. Có mặt.

14. Đình Xuân Th, sinh năm 1983; ĐKHKTT: Thôn 2, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Mường; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đình Văn M và bà Nguyễn Thị Q; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 17/6/2019, được cho tại ngoại ngày 22/7/2019. Có mặt.

Người làm chứng: Anh Kiều Văn H1, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Trú tại thôn C, xã Đ, huyện T, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 45 phút, ngày 16/6/2019, các bị cáo Nguyễn Trung H và Bùi Văn C1 cùng nhau đến quán hát “Thủy S” ở Thôn 2, xã T, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, do bị cáo Lê Văn S làm chủ quán. Sau đó các bị cáo Nguyễn Văn Q và Ngô Văn C cùng đến quán hát thì cả nhóm rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa sát phạt bằng tiền và mượn phòng hát của S để đánh bạc thì S đồng ý. Lê Văn S đã chuẩn bị bát sứ, đĩa sứ, chắn vải, chiếu nhựa để trong phòng hát. Nguyễn Văn Q cắt 04 quân vị hình tròn hai mặt vàng- trắng từ vỏ bao thuốc lá Vinataba. Nguyễn Trung H xóc cái cho các đối tượng tham gia đánh bạc. Sau đó lần lượt các bị cáo Nguyễn An Ch, Bùi Thị N, Nguyễn Văn D, Cấn Văn Q1, Nguyễn Ngọc L, Đình Xuân Th, Quách Đình V, Kiều Quốc Ph, Nguyễn Văn P, đến quán của S cùng tham gia đánh bạc. Anh Kiều Văn H1, sinh năm 1991, trú tại thôn C, xã Đ, huyện T, Hà Nội cùng đi với các bị cáo Nguyễn Văn D, Cấn Văn Q1, Nguyễn Ngọc L đến quán của S nhưng anh H1 ngồi xem và không tham gia đánh bạc. Quá trình các đối tượng đánh bạc thì bị cáo S trực tiếp thu hồ phé của các đối tượng tham gia đánh bạc, mỗi người từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Quá trình đánh bạc không có ai canh gác, bảo vệ, phục vụ xóc bạc.

Các đối tượng quy định cách thức đánh xóc đĩa như sau: Các đối tượng sử dụng 01 đĩa sứ, 01 bát sứ, 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba có hai mặt vàng - trắng. Khi đánh bạc người xóc cái cho bốn quân vị vào đĩa sau đó úp bát lên xóc đều nhiều lượt rồi đặt xuống chiếu cho các đối tượng đánh bạc đặt tiền vào hai cửa chắn hoặc lẻ. Theo quy định cửa chắn ở bên phải của người xóc cái, cửa lẻ ở bên trái của người xóc cái. Sau khi các đối tượng đánh bạc đặt tiền xong thì nhà cái mở bát, nếu trong đĩa có hai hoặc bốn quân vị cùng màu thì về chắn, những ai đặt tiền cửa chắn thì được nhà cái đền tiền theo tỷ lệ gấp đôi số tiền đặt cửa, còn nếu ai đặt cửa lẻ thì bị mất số tiền đặt cửa cho nhà cái. Nếu trong đĩa có ba quân vị cùng màu, một quân

vị khác màu thì về lẻ và ai đặt cửa lẻ được nhà cái đền tiền, còn ai đặt tiền ở cửa chẵn thì bị mất số tiền đặt cửa cho nhà cái. Mỗi ván bạc các đối tượng đánh bạc đặt cửa tối thiểu là 50.000 đồng, không không chế tối đa.

Các đối tượng Nguyễn Trung H, Nguyễn Văn Q, Bùi Văn C1, Ngô Văn C, Nguyễn An Ch, Bùi Thị N, Nguyễn Văn D, Cấn Văn Q1, Nguyễn Ngọc L, Đinh Xuân Th, Quách Đình V, Kiều Quốc Ph và Nguyễn Văn P đánh bạc đến khoảng 00 giờ 45 phút, ngày 17/6/2019 thì bị Đội Cảnh sát hình sự- Công an huyện Thạch Thất phối hợp với Công an xã T bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) chiếu nhựa, 01 (một) chăn vải, 01 (một) đĩa sứ, 01 (một) bát sứ, 04 (bốn) quân vị hình tròn hai mặt vàng- trắng cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba và số tiền 6.200.000đ (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng) thu trên chiếu bạc.

Kiểm tra trên người các đối tượng tham gia đánh bạc phát hiện, thu giữ số tiền gồm: Nguyễn Văn P 1.000.000đ (Một triệu đồng), Nguyễn Văn D 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), Bùi Văn C1 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), Nguyễn Trung H 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), Cấn Văn Q1 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng), Ngô Văn C 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng), Quách Đình V 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Số tiền thu giữ trên người các bị cáo khai đều sử dụng vào mục đích đánh bạc. Thu của Lê Văn S 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) là số tiền thu hồ phé từ các đối tượng tham gia đánh bạc. Kiểm tra trên người đối với Bùi Thị N; Đinh Xuân Th; Kiều Quốc Ph; Nguyễn Ngọc L; Nguyễn An Ch; Nguyễn Văn Q không phát hiện thu giữ gì.

Quá trình điều tra chứng minh được số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc như sau: Nguyễn Trung H 3.000.000đ (Ba triệu đồng), Đinh Xuân Th 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), Bùi Thị N 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng), Nguyễn Văn Q 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), Nguyễn Văn P 2.000.000đ (Hai triệu đồng), Cấn Văn Q1 2.000.000đ (Hai triệu đồng), Nguyễn Văn D 2.000.000đ (Hai triệu đồng), Ngô Văn C 2.000.000đ (Hai triệu đồng), Bùi Văn C1 1.000.000đ (Một triệu đồng), Nguyễn An Ch 1.850.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), Kiều Quốc Ph 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), Nguyễn Ngọc L 1.000.000đ (Một triệu đồng), Quách Đình V 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Đối với Kiều Văn H1, có mặt tại nơi đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn S, Nguyễn Trung H, Nguyễn Văn D, Nguyễn An Ch, Kiều Quốc Ph, Nguyễn Văn Q, Ngô Văn C, Cấn Văn Q1, Nguyễn Văn P, Bùi Văn C1, Nguyễn Ngọc L, Bùi Thị N, Quách Đình V, Đinh Xuân Th, đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bản cáo trạng số 77/CT- VKS ngày 26/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, truy tố:

Bị cáo Lê Văn S về tội “Gá bạc” theo Khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Trung H, Nguyễn Văn D, Nguyễn An Ch, Kiều Quốc Ph, Nguyễn Văn Q, Ngô Văn C, Cấn Văn Q1, Nguyễn Văn P, Bùi Văn C1, Nguyễn Ngọc L, Bùi Thị N, Quách Đình V, Đinh Xuân Th về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa thay đổi quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn An Ch. Do bị cáo Ch chưa thi hành xong số tiền án phí dân sự của bản án năm 1997, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 64 của Tòa án nhân dân tối cao thì lần này bị cáo Ch phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt theo Điểm d Khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo còn lại và đề nghị:

Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 322; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn S từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Phạt bổ sung đối với Lê Văn S từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H từ 09 đến 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù của bản án số 73/2018/HSST ngày 28/9/2018 để buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 06 đến 09 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 36 tháng tù của bản án số 107/2018/HSST ngày 30/11/2018 để buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 321; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn An Ch từ 36 đến 42 tháng tù,

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo bị cáo Nguyễn Văn Q từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Kiều Quốc Ph từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Ngô Văn C, Cấn Văn Q1, Nguyễn Văn P, Bùi Văn C1, Nguyễn Ngọc L, Bùi Thị N, Quách Đình V, Đinh Xuân Th mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiêu hủy 01 (một) chiếu nhựa, 01 (một) chăn vải, 01 (một) đĩa sứ, 01 (một) bát sứ, 04 (bốn) quân vị hình tròn hai mặt vàng- trắng cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba, là vật chứng của vụ án.

Sung vào ngân sách nhà nước số tiền 17.200.000 đồng là vật chứng của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, sơ đồ hiện trường, tang vật của vụ án và lời khai người làm chứng. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 22 giờ 45 phút ngày 16/6/2019 các bị cáo Nguyễn Trung H, Nguyễn Văn Q, Bùi Văn C1, Ngô Văn C, Nguyễn An Ch, Bùi Thị N, Nguyễn Văn D, Cấn Văn Q1, Nguyễn Ngọc L, Đinh Xuân Th, Quách Đình V, Kiều Quốc Ph và Nguyễn Văn P đến quán hát “Thủy S” ở thôn 2, xã T, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội do bị cáo Lê Văn S làm chủ quán để đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền. Đến khoảng 00 giờ 45 phút, ngày 17/6/2019 trong lúc các bị cáo trên đang tham gia đánh bạc thì bị Đội Cảnh sát hình sự- Công an huyện Thạch Thất phối hợp với Công an xã T bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 17.200.000 đồng.

Lê Văn S đã sử dụng quán hát “Thủy S” do S làm chủ quán cho các đối tượng đánh bạc. S là người chuẩn bị bát sứ, đĩa sứ, chăn vải, chiếu nhựa để trong phòng hát cho các đối tượng đánh bạc và trực tiếp thu tiền hồ, phé của các đối tượng đánh bạc từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. S đã thu được số tiền 1.200.000 đồng. Hành vi sử dụng địa điểm do mình làm chủ (Quản lý) và chuẩn bị dụng cụ cho 13 người đánh bạc, trực tiếp thu tiền hồ phé của Lê Văn S đã phạm tội “Gá bạc” được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền (Số tiền 17.200.000 đồng) nêu trên của các bị cáo Nguyễn Trung H, Nguyễn Văn D, Nguyễn An Ch, Kiều Quốc Ph, Nguyễn Văn Q, Ngô Văn C, Cấn Văn Q1, Nguyễn Văn P, Bùi Văn C1, Nguyễn Ngọc L, Bùi Thị N, Quách Đình V, Đinh Xuân Th, đã

phạm tội Đánh bạc. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn An Ch, từ năm 1993 đến năm 2011 đã năm lần bị Tòa án xét xử, cụ thể: Bản án hình sự số 38 ngày 17/6/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương phạt Ch 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 24 tháng về tội Cố ý hủy hoại tài sản XHCN. Bản án hình sự sơ thẩm số 05/STHS ngày 27/02/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xác định Ch phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, phạt bị cáo Ch 04 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân và 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân. Bị cáo Ch phải chịu 50.000 đồng án phí hình sự và 950.000 đồng án phí dân sự, nhưng Ch mới nộp được 80.000 đồng, còn 920.000 đồng án phí dân sự chưa nộp.

Bản án hình sự sơ thẩm số 04/STHS ngày 14/11/2003 của Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên xác định Ch phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng theo Điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và phạt bị cáo Ch 01 năm 03 tháng tù về tội Đánh bạc. Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2007/STHS ngày 08/6/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xác định bị cáo Ch phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và phạt bị cáo Ch 03 năm 04 tháng tù về tội Đánh bạc, phạt bổ sung 3.000.000 đồng. Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2011/HSST ngày 15/04/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xác định bị cáo Ch phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và phạt bị cáo Ch 03 năm tù về tội Đánh bạc, phạt bổ sung 4.000.000 đồng. Bị cáo Ch đã chấp hành xong các quyết định của bản án năm 2003, năm 2007 và năm 2011. Do bị cáo Ch chưa nộp hết tiền án phí dân sự theo bản án năm 1997, căn cứ Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo Ch chưa được xóa án tích theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, xác định lần này bị cáo Ch phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt theo Điểm d Khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do đó, tại phiên tòa Viện kiểm sát thay đổi quan điểm truy tố và đề nghị xét xử bị cáo Ch về tội Đánh bạc theo Điểm d Khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về vai trò của các bị cáo trong vụ án như sau:

Bị cáo Lê Văn S là người sử dụng địa điểm do mình quản lý, chuẩn bị dụng cụ (Bát, đĩa, chăn, chiếu) cho các đối tượng đánh bạc, rồi trực tiếp thu hồ phé nên bị cáo S có vai trò đứng đầu trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Trung H là người là người xóc cái cho các đối tượng đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, bị cáo Q là người chuẩn bị quân vị và tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, nên bị cáo H và bị cáo Q có vai trò ngang nhau và đứng thứ hai trong vụ án. Các bị cáo còn lại tham gia đánh bạc đơn thuần nên có vai trò ngang nhau và đứng thứ ba trong vụ án. Ngoài ra khi áp dụng hình phạt còn căn cứ vào số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc để phân định mức hình phạt.

[4] . Về hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, nên cần xử lý nghiêm minh để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn cờ bạc trong đời sống xã hội.

[4.1]. Đối với bị cáo Lê Văn S, do hám lời nên S đã sử dụng quán hát do mình quản lý, chuẩn bị dụng cụ cho các đối tượng đánh bạc để thu tiền hồ phé. Bị cáo S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo S đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo S có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng ổn định nên không cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giám sát cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo thành người tốt.

[4.2]. Đối với bị cáo Nguyễn Trung H và bị cáo Nguyễn Văn D đều đã bị Tòa án xử phạt tù về tội Đánh bạc, nhưng cho hưởng án treo, các bị cáo không lấy đó làm bài học rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội. Lần này các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, nên cần phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo thành người tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo H và D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H có bố và mẹ tham gia kháng chiến chống Mỹ, được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến, nên H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.3]. Đối với bị cáo Nguyễn Văn Q: Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2011/HSST ngày 29/4/2011 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất phạt bị cáo Q 10.000.000 đồng về tội Đánh bạc, nhưng đến nay bị cáo Q chưa nộp tiền phạt.

Căn cứ Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo Q chưa được xóa án tích theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, xác định lần này bị cáo Q phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, nên cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo thành người tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Gia đình bị cáo Q có công với

cách mạng, nên Q được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.4]. Đối với bị cáo Nguyễn An Ch: Từ năm 1993 đến nay bị cáo năm lần bị Tòa án xét xử về nhiều loại tội phạm, trong đó có tội Đánh Bạc, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học rèn luyện bản thân, nên cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo thành người tốt.

Về tình tiết tăng nặng: Do tình tiết tái phạm nguy hiểm đã được áp dụng là tình tiết định khung hình phạt nên bị cáo Ch không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Ch đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.5]. Đối với bị cáo Kiều Quốc Ph, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Ngày 21/7/2010 bị cáo Ph bị Tòa án Thành phố Hòa Bình phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thử thách 12 tháng. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính và các nghĩa vụ về án phí nên đã được xóa án tích. Tính đến thời điểm bị cáo phạm tội (Ngày 16/6/2019) thì thời gian bị cáo Ph được xóa án tích gần 07 (Bảy) năm.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Ph phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc thấp (300.000 đồng), lần này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo Ph thuộc trường hợp được coi là có nhân thân tốt, xét thấy bị cáo Ph có nơi cư trú rõ ràng ổn định, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo Ph khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình cho bị cáo Ph được hưởng án treo, giao bị cáo Ph cho chính quyền địa phương nơi bị cáo sinh sống quản lý, giám sát cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người tốt.

[4.6]. Đối với nhóm 08 bị cáo, gồm: Ngô Văn C, Cấn Văn Q1, Nguyễn Văn P, Bùi Văn C1, Nguyễn Ngọc L, Bùi Thị N, Quách Đình V, Đình Xuân Th, cả 08 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo các điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét các bị cáo có nhân thân tốt

nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt chính bằng tiền cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo thành người tốt.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Đối với các bị cáo Lê Văn S, Nguyễn Trung H, Nguyễn Văn D, Nguyễn An Ch, Kiều Quốc Ph và Nguyễn Văn Q, đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[6]. Đối với Kiều Văn H1, có mặt tại nơi đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự là đúng pháp.

[7]. Về xử lý vật chứng: Công an thu giữ 01 (một) chiếc nhựa, 01 (một) chăn vải, 01 (một) đĩa sứ, 01 (một) bát sứ, 04 (bốn) quân vị hình tròn hai mặt vàng- trắng cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba, là dụng cụ mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc, nên được tiêu hủy. Số vật chứng trên theo biên bản giao nhận tài sản tang vật số 64/2019/THA ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất.

Về số tiền 6.200.000đồng thu trên chiếc bạc và 11.000.000đồng thu giữ khi kiểm tra người các bị cáo, toàn bộ số tiền này các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc, nên được sung vào ngân sách nhà nước. Các khoản tiền trên theo ủy nhiệm chi của Công an huyện Thạch Thất tại Kho bạc nhà nước Thạch Thất.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

Bị cáo Lê Văn S phạm tội “Gá bạc”;

Các bị cáo Nguyễn Trung H, Nguyễn Văn D, Nguyễn An Ch, Kiều Quốc Ph, Nguyễn Văn Q, Ngô Văn C, Cấn Văn Q1, Nguyễn Văn P, Bùi Văn C1, Nguyễn Ngọc L, Bùi Thị N, Quách Đình V, Đinh Xuân Th phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điều b Khoản 1 Điều 322; Điều 65; Điều s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Văn S** 24 (Hai mươi tư tháng) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao Lê Văn S cho UBND xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội quản lý, giám sát trong thời gian chấp hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều h Khoản 1 Điều 52; Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung H** 09 (Chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù của bản án số 73/2018/HS-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, buộc bị cáo Nguyễn Trung H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2019, được trừ thời hạn đã tạm giữ từ ngày 01/5/2018 đến ngày 07/05/2018 theo bản án số 73/2018/HS-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Q** 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ tạm giam từ ngày 17/6/2019 đến ngày 10/7/2019.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** 07 (Bảy) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù của bản án số 107/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 43 (Bốn mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ tạm giam từ ngày 17/6/2019 đến ngày 23/8/2019 của lần phạm tội này và thời gian tạm giữ từ ngày 10/3/2018 đến ngày 13/3/2018 theo bản án số 107/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất.

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 321; Điều 38; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn An Ch** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ tạm giam từ ngày 17/6/2019 đến ngày 23/8/2019.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 65; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Kiều Quốc Ph** 07 (Bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Ph cho UBND xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội quản lý giám sát trong thời gian chấp hành án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 35; các điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Ngô Văn C, Cấn Văn Q1, Nguyễn Văn P, Bùi Văn C1, Nguyễn Ngọc L, Bùi Thị N, Quách Đình V, Đình Xuân Th. Xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Văn P** 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách nhà nước.

Bị cáo **Cấn Văn Q1** 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách nhà nước.

Bị cáo **Ngô Văn C** 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách nhà nước.

Bị cáo **Bùi Văn C1** 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) để sung vào Ngân sách nhà nước.

Bị cáo **Nguyễn Ngọc L** 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) để sung vào Ngân sách nhà nước.

Bị cáo **Bùi Thị N** 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) để sung vào Ngân sách nhà nước.

Bị cáo **Quách Đình V** 20.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) để sung vào Ngân sách nhà nước.

Bị cáo **Đình Xuân Th** 20.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) để sung vào Ngân sách nhà nước.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiêu hủy 01 (một) chiếc nhựa, 01 (một) chăn vải, 01 (một) đĩa sứ, 01 (một) bát sứ, 04 (bốn) quân vị hình tròn hai mặt vàng- trắng cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba, theo Biên bản giao nhận tài sản, tang vật số 64/2019/THA ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất.

Sung vào ngân sách nhà nước số tiền 17.200.000đ (Mười bảy triệu hai trăm đồng), theo ủy nhiệm chi của Công an huyện Thạch Thất tại Kho bạc nhà nước Thạch Thất.

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lê Văn S, Nguyễn Trung H, Nguyễn Văn D, Nguyễn An Ch, Kiều Quốc Ph, Nguyễn Văn Q, Ngô Văn C, Cấn Văn Q1, Nguyễn Văn P, Bùi Văn C1, Nguyễn Ngọc L, Bùi Thị N, Quách Đình V, Đình Xuân Th, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Công an huyện Thạch Thất
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THA dân sự huyện Thạch Thất;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Ngọc Sơn

